

Số: 178/BCT-TTBVTV

Quảng Trị, ngày 21 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 16 tháng 01 năm 2024 đến ngày 20 tháng 02 năm 2024)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Trong tháng qua thời tiết khá thuận lợi cho các loại cây trồng sinh trưởng, phát triển. Nhiệt độ phổ biến 24-26⁰C, ẩm độ trung bình 85-88%, có nhiều ngày nắng ấm.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

a) Cây lúa:

Vụ	Trà	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo cấy (ha)	Diện tích thu hoạch (ha)
Đông Xuân 2023-2024	Sớm	Đứng cái	1.500	-
	Chính vụ	Đẻ nhánh rộ	22.900	-
	Muộn	Đẻ nhánh	1.200	-
	Tổng		25.600	-

b) Cây trồng khác

Nhóm/ loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)
- Cây sắn	Mọc mầm - cây con	10.200
- Cây ngô	Cây con	>3.000
- Cây lạc	Cây con	>3.000
- Cây công nghiệp:		
Hồ tiêu	Phát triển quả	2.153,6
Cao su	Ra lá mới	18.800,7
Cà phê	Phân hóa mầm hoa	3.942,8

3. Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng của thiên tai: Không

II. TÌNH HÌNH SVGH CHỦ YẾU TỪ 16/01/2024-20/02/2024

1. Trên cây lúa: Một số đối tượng dịch hại chủ yếu gồm: Bệnh đạo ôn lá phát sinh gây hại nhiều nơi, DTN 99 ha trong đó nhiễm nặng 6 ha, tỷ lệ bệnh phổ biến 7-10%, nơi cao 20-25%; chuột DTN 450 ha (tháng trước chuột gây hại rải rác, tăng 293 ha so với cùng kỳ năm trước); ốc bươu vàng DTN 135 ha (tăng 105 ha so với

tháng trước, giảm 82 ha so với cùng kỳ năm trước) trong đó hại nặng 7 ha, mật độ phổ biến 2-3 con/m², nơi cao 5-10 con/m²; Ngoài ra sâu cuốn lá nhỏ, tuyến trùng rễ, bọ trĩ... hại nhẹ một số vùng.

2. Trên cây ngô: Sâu keo mùa thu phát sinh gây hại nhẹ một số vùng, DTN 15 ha, mật độ phổ biến 2-4 con/m².

3. Trên cây lạc: Tập đoàn sâu ăn lá, bệnh thối gốc mốc trắng, thối gốc mốc đen gây hại rải rác.

4. Trên cây hồ tiêu: Các đối tượng dịch hại DTN tương đương tháng trước, cụ thể: Tuyến trùng DTN 239 ha (giảm 57 ha so với cùng kỳ năm trước); Bệnh thán thư DTN 154 ha (giảm 17 ha so với cùng kỳ năm trước); bệnh chết nhanh DTN 23 ha (tương đương cùng kỳ năm trước); bệnh đốm lá DTN 89 ha (giảm 21 ha so với cùng kỳ năm trước); bệnh chết chậm DTN 144 ha (giảm 12 ha so với cùng kỳ năm trước); rệp sáp DTN 15 ha (giảm 27 ha so với cùng kỳ năm trước).

5. Trên cây cà phê (Hướng Hóa): Các đối tượng sâu, bệnh hại như rệp, bệnh thán thư, bệnh khô cành, gỉ sắt, ... diện tích nhiễm tăng so với tháng trước: Bệnh rỉ sắt DTN 753 (tăng 48 ha so với tháng trước, giảm 237 ha so với cùng kỳ năm trước); rệp DTN 60 ha (tăng 10 ha so với tháng trước, giảm 85 ha so với cùng kỳ năm trước); bệnh thán thư DTN 645 ha (tăng 15 ha so với tháng trước, tăng 65 ha so với cùng kỳ năm trước); bệnh khô cành DTN 780 ha (tăng 10 ha so với tháng trước, tăng 35 ha so với cùng kỳ năm trước).

6. Trên cây cao su: Bệnh xì mủ DTN 159 ha (tăng 20 ha so với tháng trước, tăng 18 ha so với cùng kỳ năm trước), bệnh loét sọc mặt cạo DTN 308 ha (như tháng trước, tăng 53 ha so với cùng kỳ năm trước). Hiện tượng khô cành, rụng lá khoảng 600 ha. Bệnh phấn trắng, héo đen đầu lá bắt đầu phát sinh, gây hại rải rác một số vườn.

7. Trên cây sắn: Bệnh khảm lá virus gây hại nhiều nơi trên sắn mới trồng, chủ yếu ở các vùng đã nhiễm bệnh năm trước, DTN 295 ha (tháng trước bệnh phát sinh rải rác, tăng 267 ha so với cùng kỳ năm trước) trong đó hại nặng 32 ha, tỷ lệ bệnh phổ biến 5-10%, nơi cao 30-40%, cục bộ có nơi 70-80%.

III. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

1. Dự báo SVGH chủ yếu từ 21/02/2024-15/3/2024

1.1. Trên cây lúa: Chuột tiếp tục gây hại nhiều nơi; bệnh đạo ôn lá tiếp tục lây lan gây hại trên diện rộng, đặc biệt trên những giống nhiễm như IR 38, Bắc thơm 7, HC 95, BDR 57..., bệnh có thể hại nặng và gây cháy cục bộ nếu không được phát hiện và xử lý sớm; sâu cuốn lá nhỏ tiếp tục gây hại nhiều vùng, nhất là ruộng xanh tốt, thừa đạm; bệnh bạc lá vi khuẩn, khô vằn, rầy các loại, nhện gié... sẽ phát sinh gây hại nhiều nơi.

1.2. Trên cây ngô: Sâu keo mùa thu tiếp tục phát sinh gây hại nhiều vùng từ giai đoạn cây con - xoáy nõn.

1.3. Trên cây lạc: Tập đoàn sâu ăn lá, bệnh thối gốc, lở cổ rễ,..., tiếp tục phát sinh, có thể hại nặng cục bộ nếu không được phát hiện và xử lý kịp thời.

1.4. Trên cây hồ tiêu: Bệnh chết nhanh, chết chậm, thán thư, tuyến trùng... tiếp tục gây hại nhiều nơi trong đó bệnh chết chậm có thể hại nặng các vườn bị bệnh, vùng ô dịch.

1.5. Trên cây cà phê: Các đối tượng dịch hại như: Rệp các loại, bệnh thán thư,

khô cành, bệnh gỉ sắt... tiếp tục gây hại, hại nặng trên các vườn cà phê già cỗi, không chú trọng công tác phòng trừ sâu bệnh.

1.6. Trên cây cao su: Bệnh xì mù, loét sọc mặt cạo tiếp tục gây hại Bệnh phần trắng, héo đen đầu lá khả năng phát sinh gây hại nhiều nơi.

1.7. Trên cây sắn: Bệnh khảm lá virus tiếp tục gây hại nhiều vùng, hại nặng những vùng đã bị bệnh các năm trước.

2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong tháng tới

2.1. Trên cây lúa

- Tăng cường kiểm tra bệnh đạo ôn trên tất cả các giống, kiểm tra kỹ trên các giống nhiễm như: HC95, IR38, Bắc thom 7, BDR 57..., trên các chân ruộng gieo dày, bón thừa đạm... Kịp thời phun thuốc trừ bệnh khi bệnh mới phát sinh (*tỷ lệ bệnh khoảng 5%*). Trên những chân ruộng đã bị bệnh đạo ôn phải ngừng bón tất cả các loại phân và phân bón qua lá, tiến hành phun thuốc trừ bệnh bằng các loại thuốc có hoạt chất *Tricyclazole, Isoprothiolane, Fenoxanil + Isoprothiolane, Fenoxanil + Tricyclazole*,... như: Beam, Fujione, Ninja, Fillia, Map Famy,... theo liều lượng khuyến cáo, chú ý phải phun ướt đầm lá, lượng nước thuốc đã pha ít nhất 20 lít/sào; vùng bị nặng phải phun tiếp lần hai sau lần một 5 - 7 ngày. Những ruộng đã nhiễm bệnh đạo ôn sau khi phun thuốc, bệnh ngừng phát triển mới được bón phân.

- Duy trì công tác diệt chuột bằng nhiều biện pháp để hạn chế chuột gây hại, ưu tiên các biện pháp thủ công (*Tuyệt đối nghiêm cấm dùng biện pháp kích điện để diệt chuột*).

- Theo dõi mật độ sâu cuốn lá nhỏ (*chú ý lúa sâu mới khả năng phát sinh vào đầu tháng 3*), rầy các loại, bệnh khô vằn, bạc lá vi khuẩn, nhện gié... để có biện pháp phòng trừ kịp thời.

2.2. Trên cây ngô:

- Thực hiện các biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp để phòng chống sâu keo mùa thu. Thường xuyên điều tra tình hình phát sinh gây hại của sâu để phát hiện sớm và phun trừ hiệu quả.

- Những nơi sâu đang gây hại có thể sử dụng các loại thuốc hóa học có hoạt chất *Bacillus Thuringiensis, Spinetoram, Indoxacarb, Lufenuron, Emamectin benzoate*... như: Bitadin WP, Map - Biti WP 50000 IU/mg, Radiant 60SC, Map wing 45WP, Amater 150SC, Indocar 150SC, Angun 5WG, Proclaim 1.9EC,... để phun trừ khi sâu đa số tuổi 1-2, phun vào sáng sớm hoặc chiều mát, phun 2 lần cách nhau 10-12 ngày, phun ướt đều 2 mặt lá, nách lá và nõn lá.

2.3. Trên cây lạc: Tăng cường kiểm tra, theo dõi mật độ, tỷ lệ hại của các đối tượng sâu, bệnh để kịp thời tổ chức phòng trừ, không để lây lan ra diện rộng.

2.4. Trên cây hồ tiêu: Kiểm tra, xử lý thuốc phòng trừ tuyến trùng, rệp sáp, bệnh chết chậm, chết nhanh... Đối với bệnh chết nhanh cần thu gom tàn dư cây bị bệnh mang ra khỏi khu vực vườn và đốt tiêu hủy, xử lý đất tại các gốc tiêu bị bệnh bằng vôi bột, tăng cường sử dụng các loại chế phẩm sinh học để phòng bệnh.

2.5. Trên cây cà phê: Xử lý thuốc để phòng trừ sâu bệnh kết hợp bón phân chăm sóc, tăng cường phân hữu cơ, phân hữu cơ vi sinh để cây phân hóa mầm hoa - ra hoa thuận lợi.

2.6. Trên cây cao su

Kiểm tra vườn thường xuyên, phát hiện và xử lý cây bị bệnh xì mủ, loét sọc mặt cạo. Tiến hành bôi thuốc trên miệng cạo và vết xì mủ bằng các loại thuốc đặc hiệu để tránh lây lan nhiều nơi. Tăng cường điều tra phát hiện kịp thời bệnh phấn trắng và héo đen đầu lá; tổ chức phòng trừ bệnh ngay khi cây ra lá mới (*lá nhú chân chim*) nhất là trên các vườn đã bị khô cành rụng lá trong thời gian qua để tăng khả năng phục hồi của cây.

2.7. Trên cây sắn: Điều tra, khoanh vùng bị nhiễm bệnh khảm lá virus để xử lý không để lây lan ra diện rộng, có thể nhổ bỏ cây bệnh và trồng dặm thay thế nếu kịp thời vụ. Đối với những vùng chưa tiến hành trồng mới: Tuyệt đối không sử dụng hom sắn từ các vùng đã bị bệnh khảm lá để trồng. Điều tra theo dõi các đối tượng sâu, bệnh khác như rệp sáp bột hồng, bệnh chổi rồng để có biện pháp xử lý hiệu quả./.

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV vùng khu 4 (B/c);
- Sở NN & PTNT Q Trị (B/c);
- Trung tâm Khuyến nông;
- Chi cục trưởng, các PCCT;
- Phòng NN & PTNT, Kinh tế các huyện, thành phố, thị xã;
- Trạm TT&BVTV các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, P.BVTV.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Trần Minh Tuấn

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỄM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY TRỒNG CHỦ LỰC TRONG THÁNG

STT	Tên SVGH	Mật độ sâu (con/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	DTN các loại dịch hại (ha)					So sánh diện tích nhiễm (+/- ha)		Diện tích phòng trừ (ha)	Phân bố
		Phổ biến	Nơi cao	Cục bộ		Tổng	Nhẹ	TB	Nặng	Mất trắng	Kỳ trước	Cùng kỳ năm trước		
I	Cây lúa (Đẻ nhánh - đứng cái)													
1	Ốc bươu vàng	2-3	5-10			135	102	26	7	0	+105	-82	10.000	H. Lãng, Tr. Phong, C. Lộ, G. Linh, V. Linh. Đ. Hà, Đakrông
2	Chuột	5-10	20-22			450	388	54	8	0	+450	+293	10.000	H. Lãng, Tr. Phong, C. Lộ, G. Linh, V. Linh. Đ. Hà
3	Đạo ôn lá	7-10	20-25		1-3	99	81	12	6	0	+99	+99	20	C. Lộ, G. Linh, V. Linh, Đ. Hà
II	Cây ngô (Cây con)													
1	Sâu keo mùa thu	1-4			1-5	15	15	0	0	0	+15	-15	5	C. Lộ, Đakrông
III	Cây Hồ tiêu (PT quả)													
1	Chết chậm	5-10	15-20		1-3	144	122	22	0	0	0	-12	10	Tr. Phong, V. Linh, G.Linh, C. Lộ
2	Chết nhanh	5-10			1	23	21	2	0	0	+3	+2	0	V.Linh, G.Linh
3	Tuyến trùng	5-10	15-20		1	239	205	34	0	0	-2	-57	30	Tr. Phong, C. Lộ, G. Linh, V. Linh, H. Hóa
4	Thán thư	3-5	15-20		1-3	154	134	20	0	0	0	-17	12	Tr. Phong, V. Linh, G.Linh, C. Lộ
5	Đốm lá	5-10	15-20		3	89	73	16	0	0	+1	-21	0	C. Lộ, G. Linh, H. Hóa
6	Rệp sáp	5-10	15		1-2	15	10	5	0	0	0	-27	10	Hướng Hóa
IV	Cây cà phê (Phân hóa mầm hoa)													
1	Khô cành	10-15	60		1-2	780	505	190	85	0	+10	+35	0	Hướng Hóa
2	Thán thư	15-20	50		1-3	645	380	195	70	0	+15	+65	50	

STT	Tên SVGH	Mật độ sâu (con/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	DTN các loại dịch hại (ha)					So sánh diện tích nhiễm (+/- ha)		Diện tích phòng trừ (ha)	Phân bố
		Phổ biến	Nơi cao	Cục bộ		Tổng	Nhẹ	TB	Nặng	Mất trắng	Kỳ trước	Cùng kỳ năm trước		
3	Rệp	5-10	25		1-2	60	60	0	0	0	+10	-85	0	
4	Rỉ sắt	10-30	70		1-3	753	440	215	98	0	+48	-237	50	
V	Cây cao su (Ra lá mới)													
1	Loét sọc mặt cạo	5-10	30		1-2	308	246	49	13	0	0	+53	20	C. Lộ, G.Linh, V. Linh
2	Xì mù	5-10	15		1-2	159	139	20	0	0	+20	+18	15	Tr. Phong, C. Lộ, G.Linh, V. Linh
3	Khô cành, rụng lá	5-10	30-40			600	555	37	8	0	0	+600	0	C. Lộ, G. Linh, V. Linh
VI	Cây sắn (Mọc mầm – cây con)													
1	Khảm lá virus	5-10	30-40	70- 80		295	136	127	32	0	+295	+267		H. Lãng, TX. Quảng Trị, Tr. Phong, V. Linh, Đakrông